

Số: 04/2022/QĐST-HNGĐ

KS, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, về việc: **“Ly hôn”**, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, Sinh năm: 1971
Địa chỉ: Thôn TN, xã ST, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông **Lại Văn C**, Sinh năm: 1970
Địa chỉ: Thôn TN, xã ST, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà C, khu bán đảo LD, quận HM, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** - Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền ông **Nguyễn Văn N** - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện KhS. (Theo quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án số: 7300/QĐ - NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng chính sách xã hội).

Ông **Nguyễn Văn N** uỷ quyền cho ông **Nguyễn Thành H** - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện KS.

(Giấy uỷ quyền số: 26/NHCSKS-UQ ngày 06/02/2020)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 60, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị S và ông Lại Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Lại Văn C có 03 con chung là cháu Lại Văn Q1 - sinh ngày 23/11/1993, cháu Lại Văn Q2 - sinh ngày 13/8/1995 và cháu Lại Minh Q3 - sinh ngày 14/9/2005;

Bà Nguyễn Thị S và ông Lại Văn C thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lại Minh Q3 - sinh ngày 14/9/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị S và ông Lại Văn C về không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Đối với cháu Lại Văn Q1, cháu Lại Văn Q2 hiện nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất hoặc tinh thần, bà S và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2.2. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị S và ông Lại Văn C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2.3. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị S, ông Lại Văn C và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội ông Nguyễn Thành H thỏa thuận như sau:

- Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo hợp đồng số: 6600000720600300 ngày 17/5/2021, tính đến ngày 17/6/2022, số tiền nợ là 20.152.877đ (*Hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*); trong đó: Tiền gốc: 20.000.000đ, tiền lãi là 152.877đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc và hợp đồng số: 6600000720614590 ngày 17/5/2021, tính đến ngày 17/6/2022 số tiền là: 75.672.657đ (*Bảy mươi năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi bảy đồng*); trong đó: Tiền gốc: 75.000.000đ, tiền lãi là 672.657đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Ông Lại Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội theo hợp đồng số: 6600000720614590 ngày 17/5/2021, tính đến ngày 17/6/2022 số tiền là 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2022 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng vay vốn cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[5]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị S và ông Lại Văn C thỏa thuận:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ và án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 2.395.638đ, tổng cộng là 2.545.638đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0008149 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa. Bà Nguyễn Thị

S còn phải nộp thêm 2.245.638đ (*Hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lại Văn C phải nộp 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THADS huyện KS;
- UBND xã TL,
huyện ST, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, vụ án.

THẨM PHÁN

TRƯƠNG VĂN VƯƠNG